

Số: /QĐ-SYT Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Cho phép Bệnh viện Đa khoa tỉnh áp dụng thí điểm
kỹ thuật mới trong khám chữa bệnh**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03/4/2015 của Bộ Y tế quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật;

Căn cứ Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ hồ sơ đề nghị phê duyệt áp dụng thí điểm kỹ thuật mới trong khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép áp dụng thí điểm kỹ thuật mới trong khám, chữa bệnh được thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh bao gồm **75** kỹ thuật (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh có trách nhiệm triển khai áp dụng thí điểm tối thiểu 03 ca bệnh/01 kỹ thuật; sau khi kết thúc giai đoạn triển khai thí điểm, báo cáo kết quả về Sở Y tế để Hội đồng tư vấn thẩm định kết quả theo quy định tại Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03/4/2015 của Bộ Y tế.

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn của Sở Y tế, Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Bộ phận Một cửa SYT;
- Dịch vụ công;
- Lưu: VT, NVY.

GIÁM ĐỐC

Từ Quốc Hiệu

**KỸ THUẬT MỚI ĐƯỢC ÁP DỤNG THÍ ĐIỂM TRONG
KHÁM, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH**

STT kỹ thuật của cơ sở KB,CB	STT kỹ thuật của TT 43/21	Tên chương, Mục, tiểu mục chuyên khoa, tên dịch vụ kỹ thuật (theo đúng Thông tư 43)	Phân loại phẫu thuật thủ thuật theo TT 50/2014/TT-BYT
1	2	3	4
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	
		C. THẬN - LỌC MÁU	
1.	183	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh suy đa tạng	TTĐB
2.	184	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh viêm tụy cấp	TTĐB
3.	185	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh ARDS	TTĐB
4.	186	Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích.	TTĐB
5.	187	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy thận cấp do tiêu cơ vân nặng	TTĐB
6.	198	Thay huyết tương trong suy gan cấp	TTĐB
7.	313	Lọc máu liên tục CVVH trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	TTĐB
		IV. THẬN KINH	
8.	338	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain - barré với dịch thay thế albumin 5%	TTĐB
		VI. TIÊU HÓA	
9.	348	Thay huyết tương tươi bằng huyết tương tươi đông lạnh trong điều trị suy gan cấp	TTĐB
10.	359	Thay huyết tương trong điều trị viêm tụy cấp do tăng triglyceride	TTĐB
		II. NỘI KHOA	
		B. Tim mạch	
11.	71	Cây máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị các rối loạn nhịp chậm	TT ĐB
12.	72	Cây máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị tái đồng bộ tim (CRT)	TT ĐB
13.	452	Cây máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 1 buồng	TT ĐB
14.	453	Cây máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 2 buồng	TT ĐB
15.	454	Cây máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 3 buồng	TT ĐB
		III. NHI KHOA	
		I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	
		A. TUẦN HOÀN	
16.	34	Đặt catheter tĩnh mạch rốn ở trẻ sơ sinh	TTL1
		B. HÔ HẤP	
17.	55	Bơm surfactant trong điều trị suy hô hấp sơ sinh	TTĐB

		D. THẦN KINH	
18.	146	Chọc dò tuỷ sống trẻ sơ sinh	TTL1
		E. TOÀN THÂN	
19.	186	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh	TTL1
		X. NGOẠI KHOA	
		C. PHẪU THUẬT TIẾT NIỆU	
		III. BÀNG QUANG	
20.	345	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	PT Đ B
		D. PHẪU THUẬT TIÊU HÓA	
		I. THỰC QUẢN	
21.	445	Nạo vét hạch cổ	PTL1
		VII. TĂNG SINH MÔN	
22.	563	Điều trị hẹp hậu môn bằng cắt vòng xơ, tạo hình hậu môn	PTL1
		E. PHẪU THUẬT GAN - MẬT - TỤY	
		III. TỤY	
23.	678	Các phẫu thuật lách khác	PTL1
		F. THÀNH BỤNG – CƠ HOÀNH – PHỨC MẠC	
		II. PHỨC MẠC	
24.	703	Lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	PTL1
		G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH	
		XIII. CHẤN THƯƠNG CỔ - BÀN TAY	
25.	845	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	PTL1
26.	849	Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay	PTL1
		XV. CHẤN THƯƠNG THỂ THAO VÀ CHỈNH HÌNH	
27.	881	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	PTL1
28.	894	Ghép xương có cuống mạch nuôi	PTĐB
		XVI. GẦY XƯƠNG Ở TRẺ EM	
29.	922	Phẫu thuật sửa chữa di chứng gãy, bong sụn tiếp vùng cổ chân	PTL1
30.	923	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	PTL1
31.	924	Phẫu thuật kết hợp xương gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương	PTL1
32.	925	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bệnh lý	PTL1
		XVII. PHẪU THUẬT THAY TOÀN BỘ KHỚP GỐI	
33.	939	Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân	PTL1
34.	951	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối	PTL1
		H. PHẪU THUẬT CỘT SỐNG	
35.	1074	Cố định CS và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau (PLIF)	PT Đ B
36.	1075	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)	PT Đ B
		XIV. MẮT	
37.	41	Lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL	PTĐB

38.	121	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi ...)	PTL1
39.	122	Cắt cơ Muller	PTL1
40.	128	Kéo dài cân cơ nâng mi	PTL1
41.	130	Phẫu thuật làm hẹp khe mi, rút ngắn dây chằng mi ngoài, mi trong điều trị hở mi do liệt dây VII	PTL1
42.	131	Phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mi điều trị hở mi	PTL1
43.	139	Điều trị co gập mi, co quắp mi, cau mày, nếp nhăn da mi bằng thuốc (botox, dysport...), laser	TTL1
44.	146	Tạo hình mỏng mắt (khâu mỏng mắt, chân mỏng mắt...)	PTL1
45.	148	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	PTL1
46.	159	Tiêm nhu mô giác mạc	TTL1
XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI			
47.	143	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày + nối dạ dày-hồng tràng	PTL1
48.	159	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D1	PTĐB
49.	162	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dưới dạ dày + nạo hạch D2	PTĐB
50.	178	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính hay dây chằng	PTL1
51.	179	Phẫu thuật nội soi mở hồng tràng ra da	PTL1
52.	180	Phẫu thuật nội soi mở hồi tràng ra da	PTL1
53.	181	Phẫu thuật nội soi mở ruột lấy dị vật	PTL1
54.	183	Phẫu thuật nội soi tháo lồng ruột và cố định manh tràng	PTL1
55.	185	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn ruột non	PTL1
56.	194	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải + nạo vét hạch	PTĐB
57.	198	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang + nạo vét hạch	PTĐB
58.	200	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng trái+ nạo vét hạch	PTĐB
59.	201	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông	PTL1
60.	202	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng chậu hông+ nạo vét hạch	PTĐB
61.	215	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng	PTL1
62.	216	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại trực tràng+ nạo vét hạch	PTĐB
63.	217	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp	PTL1
64.	218	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng thấp+ nạo vét hạch	PTĐB
65.	221	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, ống hậu môn ngã bụng và tầng sinh môn	PTL1
66.	223	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng, đóng mồm cụt trực tràng, mở hậu môn nhân tạo	PTL1
67.	234	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng trong điều trị sa trực tràng	PTL1
68.	235	Phẫu thuật nội soi cố định trực tràng bằng lưới trong điều trị sa trực tràng	PTL1
69.	260	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	PTL1
70.	267	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi OMC có dẫn lưu Kehr	PTL1
71.	272	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	PTĐB

72.	304	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo ruột, không cắt ruột	PTL1
73.	316	Phẫu thuật nội soi khâu cơ hoành	PTL1
74.	328	Phẫu thuật nội soi khâu thủng cơ hoành	PTL1
75.	439	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai theo phương pháp Latarjet	PTĐB

Tổng: 75 kỹ thuật./.